

NGHIÊN CỨU CHUỖI GIÁ TRỊ THỊT BÒ TẠI HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Bùi Văn Quang*, Nguyễn Thị Dương Nga

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: bvquang@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 25.09.2019

Ngày chấp nhận đăng: 05.03.2020

TÓM TẮT

Nghiên cứu chuỗi giá trị thịt bò tại huyện Tuần Giáo nhằm mục tiêu sơ đồ hóa chuỗi giá trị, mô tả hoạt động của các tác nhân và phân tích các khó khăn trong chuỗi từ đó chỉ ra điểm nút và tác nhân có vai trò quyết định chuỗi làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo. Nghiên cứu sử dụng phương pháp sơ đồ chuỗi giá trị và phương pháp thống kê mô tả, nghiên cứu đã khảo sát 45 hộ chăn nuôi bò thịt, phỏng vấn sâu đối với 1 người thu gom, 3 người thu gom vừa giết mổ, 2 người bán lẻ, 2 người bán buôn và 1 cán bộ thú y phụ trách kiểm tra về giết mổ và mua bán bò, 1 thảo luận nhóm trọng tâm (FGDs) người tiêu dùng. Kết quả nghiên cứu cho thấy chuỗi giá trị thịt bò gồm các tác nhân là người chăn nuôi, người thu gom, người giết mổ, bán buôn, bán lẻ và người tiêu dùng. Có 5 kênh chủ yếu tiêu thụ thịt bò và chủ yếu tiêu thụ tại Huyện. Dựa trên phân tích chuỗi và các tác nhân trong chuỗi cho thấy tác nhân giết mổ có vai trò quyết định trong chuỗi giá trị thịt bò tại Tuần Giáo. Các tác nhân trong chuỗi chủ yếu hoạt động độc lập, chưa có sự chia sẻ thông tin và liên kết để cùng đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Từ khóa: Chuỗi giá trị, thịt bò, tác nhân.

Studies on the Beef Value Chain in Tuan Gi District, Dien Bien Province

ABSTRACT

The study of beef value chain in Tuan Giao district aimed to show value chain mapping, described the activities of the actors and analyzed the difficulties in the chain to propose "bottleneck" point and leader of value chain basing for the future research. Mapping value chain and descriptive statistics methods were used in the study, interviewed 45 farmers raising cattle, in-depth interview with 1 collector, 3 collectors and slaughterhouses, 2 retailers, 2 wholesalers and 1 veterinarian who has been responsible for examination slaughter and purchasing cattle, and 1 FGDs with consumers. The results of the study showed that the value chain of beef cattle includes actors from producers, collectors, slaughterers, wholesalers, retailers and consumers. There are five channels to sell beef and selling at Tuan Giao district. Base on the value chain and actor analysis indicated that slaughterhouses play decisive role in the beef value chain in Tuan Giao. The actors in the chain mainly operate independently and do not have a link to increase the value of the chain and meet the needs of customers.

Keywords: Value chain, beef, actors.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, chăn nuôi bò thịt có vai trò quan trọng trong đời sống của người dân tộc ở vùng cao Tây Bắc. Bên cạnh chức năng cung cấp sức kéo, làm đất cho hộ trong sản xuất nông nghiệp, nó là tài sản có giá trị lớn đối với hộ. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng thịt bò và các sản phẩm từ thịt bò ngày càng tăng thì việc phát triển chăn nuôi bò thịt có ý nghĩa to lớn đối với các

vùng dân tộc vì nó vừa tạo ra việc làm, tăng thu nhập, từng bước cải thiện đời sống và giúp thoát nghèo bền vững cho người dân tộc ở vùng cao Tây Bắc.

Tuần Giáo là huyện miền núi phía nam tỉnh Điện Biên, nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số như Thái, H'Mông, Dao, Kinh, Kháng,... Huyện có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển ngành chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi đại gia súc (cụ thể là bò thịt). Năm

2017, đàn bò của huyện đạt 7.878 con (UBND Tuần Giáo, 2017) và có xu hướng tăng qua các năm. Chăn nuôi bò thịt được coi là sản phẩm có lợi thế nhất trên địa bàn huyện và nằm trong chiến lược tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh (UBND tỉnh Điện Biên, 2018). Phát triển chăn nuôi bò thịt có thể giúp tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống và góp phần xoá đói giảm nghèo cho bà con dân tộc. Tuy nhiên, chăn nuôi trâu bò ở đây chưa phát triển vì nhiều lý do khác nhau. Theo Garcia (1996, chăn nuôi trâu bò ở vùng cao chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bao gồm kinh tế, xã hội và điều kiện sinh thái của vùng. Cụ thể, chăn nuôi bò thịt gặp khó khăn do thiếu nguồn thức ăn và vật nuôi phải trải qua mùa đông giá lạnh khắc nghiệt kéo dài. Hơn nữa, ở vùng cao, chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò phải cạnh tranh trong sử dụng đất với sản xuất trồng trọt, do việc chuyển đổi một phần diện tích sang trồng cỏ và các bãi chăn thả bị thu hẹp do chuyển đổi sang trồng trọt. Bên cạnh đó, trâu bò được nuôi giữ có giá trị như tài sản và chăn nuôi trâu bò gắn liền với bản sắc văn hóa dân tộc của các cộng đồng thiểu số. Dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa thường khó tiếp cận với thị trường thành thị, ít chịu tác động của cơ chế cung – cầu và hạn chế các thông tin về chuỗi giá trị thịt bò. Bên cạnh đó, Theo Viện công nghệ Sáng tạo (2017), nhu cầu thịt bò trong nước tăng lên hơn 4 lần, từ 1 kg/người/năm năm 2001 lên 4,3 kg/người/năm vào 2017 dẫn đến sự thiếu hụt nguồn cung thịt bò. Sự thâm hụt nguồn cung này dẫn tới việc nhập bò sống từ các nước láng giềng như Thái Lan, Campuchia và Lào, thịt bò đông lạnh từ các nước như Australia và Mỹ. Cùng với đó, hiện nay các tác nhân thu gom, giết mổ tại huyện vẫn phải đi thu mua bò từ các huyện khác do không đủ nguồn cung tại chỗ. Chính vì vậy, nghiên cứu này nhằm phân tích hiện trạng chuỗi giá trị thịt bò tại huyện Tuần Giáo và xác định các thuận lợi khó khăn cũng như những điểm thất trong chuỗi nhằm phát triển chuỗi giá trị thịt bò tại Huyện trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Lý thuyết về chuỗi giá trị của Raikes & cs. (2000), Kaplinsky & Morris (2001), M4P (2008)

và phương pháp thống kê mô tả đã được sử dụng trong nghiên cứu. Trong đó, phương pháp sơ đồ chuỗi giá trị được sử dụng để sơ đồ hóa chuỗi giá trị thịt bò tại huyện Điện Biên. Nghiên cứu này chỉ tập trung vào các kênh phân phối thịt bò trong huyện do các kênh ngoài huyện chủ yếu là sản phẩm bò sống. Các chỉ tiêu thống kê dùng mô tả về các tác nhân như quy mô, mối liên kết và các đặc điểm sản xuất. Các thông tin thu thập cho nghiên cứu bao gồm điều tra 45 hộ chăn nuôi bò thịt tại các xã Quài Nưa và Chiềng Sinh là các xã tập trung chăn nuôi bò của huyện Tuần Giáo. Hai xã này có điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi bò thịt như có bãi chăn thả và thuận tiện cho việc mua bán bò thịt (gần đường giao thông liên huyện, liên tỉnh). Phỏng vấn sâu đối với các tác nhân trung gian cũng được sử dụng (1 người thu gom, 3 người giết mổ (vừa thu gom vừa giết mổ), bán lẻ, 2 người bán buôn và 1 cán bộ thú y phụ trách kiểm tra về giết mổ và mua bán trâu bò). Thông tin về người tiêu dùng được khảo sát thông qua thảo luận nhóm trọng tâm (1 FGD người kinh doanh quán ăn và người tiêu dùng hộ gia đình).

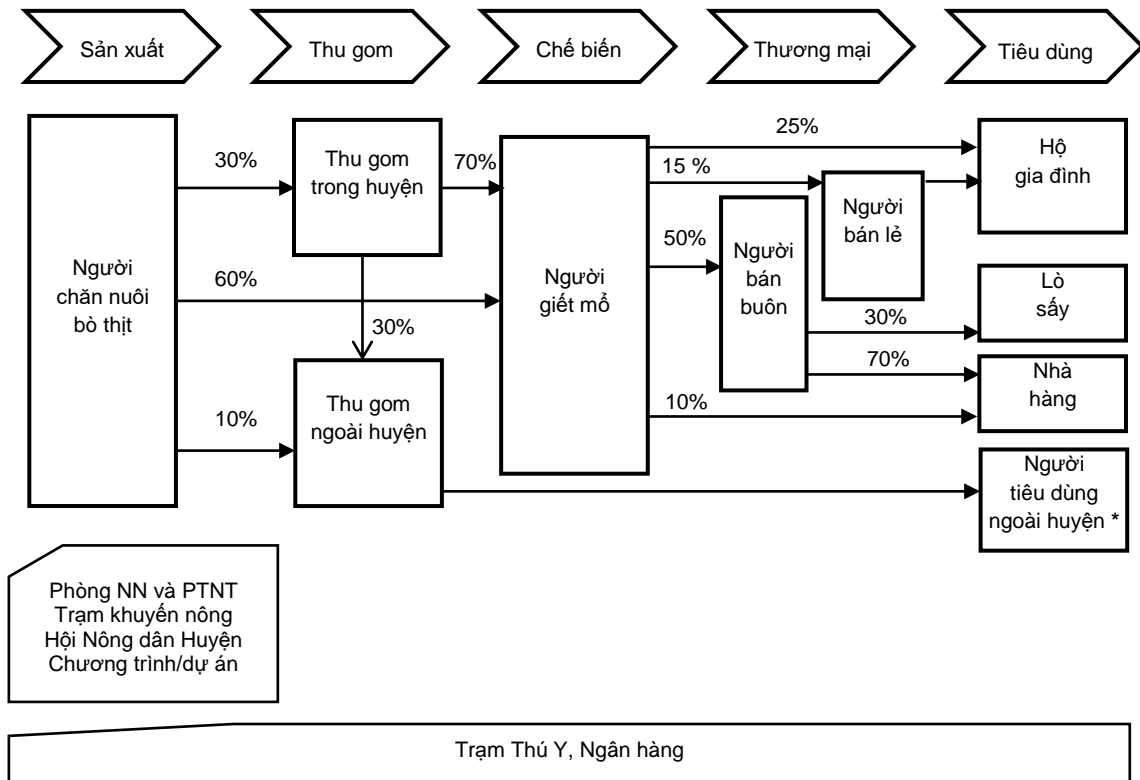
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng chuỗi giá trị thịt bò tại huyện Tuần Giáo

3.1.1. Sơ đồ chuỗi giá trị thịt bò tại huyện Tuần Giáo

Chuỗi giá trị thịt bò là một chuỗi các quá trình từ khâu sản xuất (cung cấp đầu vào, con giống, để chăn nuôi bò), sau quá trình chăn nuôi thì người chăn nuôi bán bò cho thu gom, giết mổ, bán lẻ đến người tiêu dùng. Là tác nhân đầu tiên trong chuỗi, hộ nông dân sử dụng các dịch vụ cung cấp đầu vào (thú y, thức ăn, con giống) để chăn nuôi (có thể là chăn nuôi bò sinh sản để lấy con giống, nuôi bê, nuôi bò thịt và vỗ béo để bán; hoặc mua bê hoặc bò về nuôi vỗ béo để bán). Sau khi được nuôi vỗ béo để bán, bò sẽ được chuyển đến các tác nhân tiếp theo là: thu gom nhỏ, thu gom lớn, giết mổ, bán lẻ, chế biến và cuối cùng là đến tay người tiêu dùng.

Sản phẩm thịt bò ở Tuần Giáo được tiêu thụ qua các kênh 1-5.



Ghi chú: * Kênh phân phối thịt bò ra ngoài huyện không nằm trong phạm vi nghiên cứu

Hình 1. Chuỗi giá trị thịt bò huyện Tuần Giáo

Trong các kênh phân phối trên, kênh 4 và kênh 5 là hai kênh thị trường chính của chuỗi giá trị thịt bò. Đối với hai kênh này, do người chăn nuôi bán bò trực tiếp cho người giết mổ nên giá bán cao hơn bán qua thu gom. Qua sơ đồ chuỗi giá trị cho thấy tác nhân giết mổ có vai trò quan trọng trong chuỗi do đây là tác nhân kết nối giữa sản xuất và tiêu dùng, nắm được cả thông tin về nhu cầu của khách hàng và đặc điểm sản xuất của người chăn nuôi.

3.1.2. Các tác nhân tham gia chuỗi giá trị

Người tiêu dùng: Dựa trên thảo luận nhóm với các tác nhân trong chuỗi, thịt bò tại huyện Tuần Giáo được chia ra làm 3 loại A, B và C. Thịt loại A là ngon nhất bao gồm thịt bắp đùi, vai, thịt thăn. Thịt loại B là thịt có mỡ ba chỉ, thịt vụn. Thịt loại C là các loại nội tạng, gân và da. Đối với các hộ gia đình, trung bình 1-2 tuần mới mua thịt bò 1 lần, mỗi lần mua có thể 1-2kg để ăn dần hoặc làm khô, các hộ làm cán bộ thường đi chợ thường xuyên hơn (2-3 ngày/lần)

loại thịt tiêu thụ của các hộ gia đình là thịt loại B và C vì có mỡ ngậy, thơm và phù hợp để chế biến các món ăn của người Thái. Đôi khi hộ gia đình muốn mua thịt loại A phải đặt trước. Đối với các quán ăn: Tại thị trấn Tuần Giáo có khoảng 60 quán ăn, trong đó có 10 quán có khách đông thường xuyên. Quán ít bình quân 2 kg/ngày, quán nhiều 25-30 kg/ngày, các quán ăn chỉ tiêu thụ thịt loại A. Hầu hết, người tiêu dùng tại Tuần Giáo không biết về nguồn gốc của thịt bò, người mua đánh giá thịt bò thông qua quan sát màu sắc, thớ thịt và độ ướt. Sở thích của người tiêu dùng là thịt còn tươi và 100% người tiêu dùng trả lời không thích thịt đóng gói hoặc đông lạnh. Hiện nay, người tiêu dùng lo lắng về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình giết mổ.

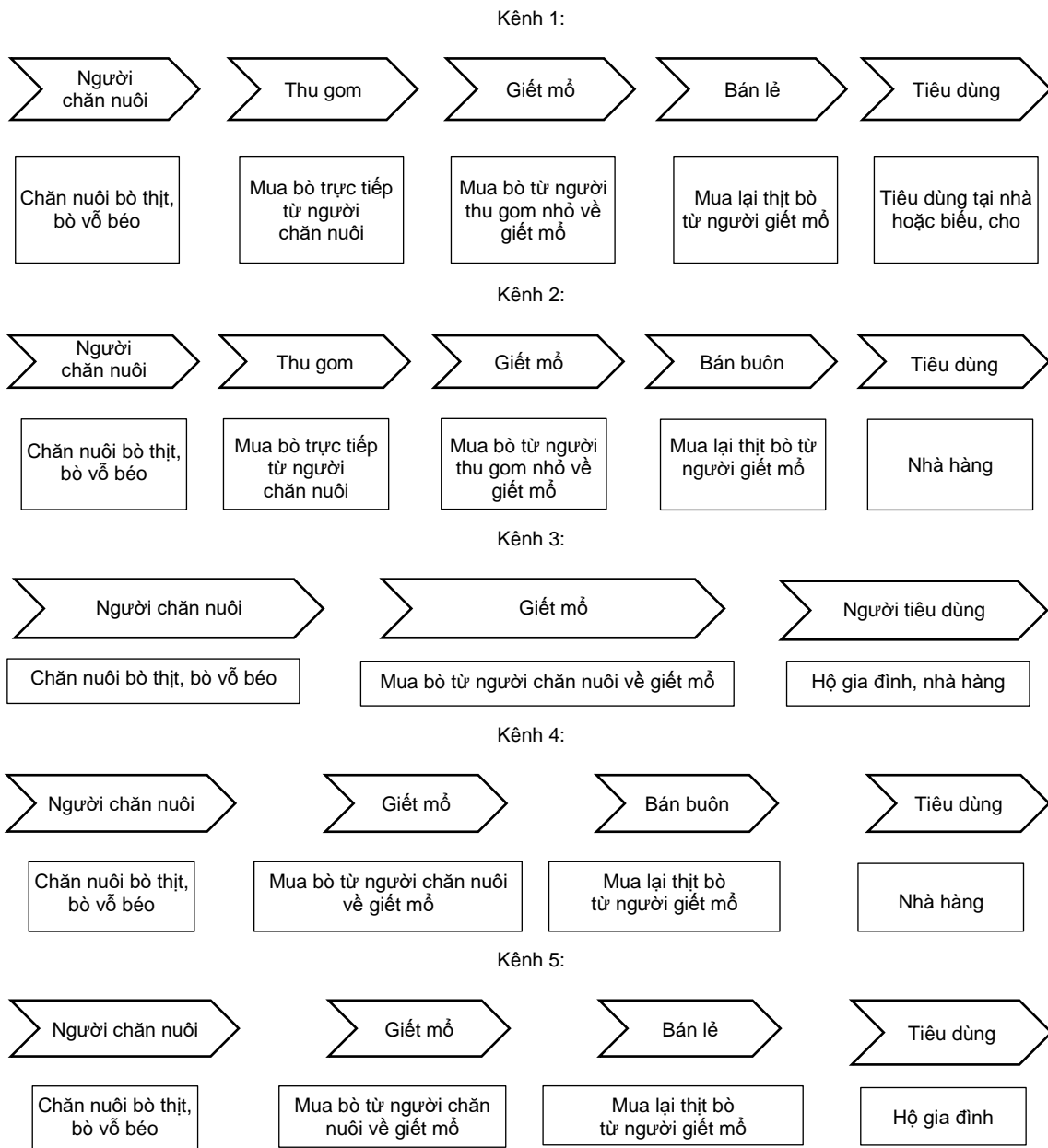
Người bán lẻ thịt bò: Các hộ bán lẻ chủ yếu là người dân tộc Thái sinh sống ở địa phương và tham gia bán lẻ thịt bò tại các chợ như: chợ trung tâm huyện, chợ phiên và các cửa hàng bán lẻ thịt ở các xã. Những người bán lẻ này lấy

lại thịt từ những người giết mổ ở xã Quài Cang. Ở chợ trung tâm thị trấn Tuần Giáo có khoảng 10 người bán lẻ thịt bò, và gần như ngày nào họ cũng bán, nhưng đông nhất là vào buổi sáng, buổi chiều chỉ có khoảng 3-4 hộ bán. Các hộ này chuyên bán thịt bò hoặc trâu chứ không bán lẻ các loại thịt khác. Trung bình mỗi hộ hàng ngày bán được khoảng 10-20kg thịt bò các loại.

Người bán buôn thịt bò: Tại huyện Tuần Giáo có từ 2 hộ bán buôn tập trung ở xã Quài Tở. Người bán buôn 100% là phụ nữ, hàng ngày,

người bán buôn mua trung bình 30kg thịt từ người giết mổ và đi giao lại cho các quán ăn vào buổi sáng sớm. Người thu gom mua cố định từ 1 hộ giết mổ và chỉ mua thịt loại A và dạ sách.

Người giết mổ địa phương: Tại huyện Tuần Giáo có 12 người giết mổ thì có 10 người giết mổ ở xã Quài Cang và đây được coi là khu giết mổ và cung cấp thịt bò chính cho toàn huyện. Các hộ làm giết mổ này chủ yếu là người dân ở xã có nhà cạnh đường hoặc xuống làm lán ở cạnh đường để giết mổ bò.



Hình 2. Các kênh tiêu thụ thịt bò ở huyện Tuần Giáo

Nguồn hàng ở các hộ nông dân trong huyện cung cấp được khoảng 50% nhu cầu của người giết mổ, còn khoảng 50% là từ các hộ nông dân ở huyện khác (huyện Tủa Chùa hoặc từ tỉnh Lai Châu). Người giết mổ chủ yếu đi “mua rong” tại các hộ nông dân không có mối liên hệ với các hộ nông dân. Do vậy, đôi lúc không mua được bò của người nông dân thì người giết mổ ở đây cũng mua lại bò của người thu gom tại địa phương hoặc thu gom ngoại huyện để về giết mổ, nhưng cũng không có mối liên hệ với tác nhân này, chủ yếu là tiện và gặp thì mua.

Thời gian giết mổ là khoảng 3-5h sáng, sau khi giết mổ xong thì người giết mổ xẻ thịt để bán ngay tại nơi giết mổ cho người tiêu dùng ở địa phương hoặc cung cấp cho người bán lẻ ở các nơi; nhà hàng, quán ăn ở thị trấn Tuần Giáo. Số lượng bò giết mổ của các hộ phụ thuộc vào nguồn hàng của người giết mổ, khách hàng thường xuyên và điều kiện của từng hộ, nhưng trung bình mỗi hộ giết mổ khoảng 10-15 con bò/tháng. Hàng ngày chỉ có khoảng 5-6 hộ giết mổ bò. Hiện nay, theo đánh giá, trọng lượng bò thịt quá nhỏ và tỷ lệ thịt không cao.

Hình thức thanh toán ngay là chủ yếu khi giao dịch với hộ nông dân, khách hàng là hộ gia đình. Đối với khách hàng là người bán lẻ thì họ thường trả chậm sau 1 ngày, hoặc buổi sáng lấy hàng thì buổi chiều trả tiền; khách hàng là các nhà hàng, quán ăn, quán phở cũng thường trả tiền ngay hoặc trả sau 1 vài ngày.

Người thu gom bò thịt:

Trong chuỗi giá trị thịt bò ở huyện Tuần Giáo có 2 loại hình thu gom bò, đó là thu gom

nhỏ ở địa phương và thu gom lớn (thường gọi là lái buôn). Hai tác nhân này có những đặc điểm khác nhau, cách thức hoạt động khác nhau, mức độ đầu tư khác nhau, trong đó cung cấp bò thịt cho các hộ giết mổ tại huyện Tuần Giáo là các thu gom nhỏ ở địa phương.

Qua nghiên cứu, trên địa bàn các xã điều tra đều có người thu gom chuyên đi thu mua bò của các hộ nông về bán cho thu gom lớn. Các thu gom này có thể gọi là hệ thống “chân rết” của các lái buôn bò lớn ở nơi khác về mua để chuyển bò đi tiêu thụ cho các lò mổ lớn, ở những thành phố lớn. Nhóm hộ này thường là nhóm hộ có kinh tế khá, có điều kiện về vốn để đi thu mua bò về tích trữ lại trong hộ. Mỗi tháng họ làm việc khoảng 20 ngày, họ thường đi mua bò ở các hộ nông dân trên địa bàn xã hoặc các xã lân cận. Họ thường tích trữ bò trong gia đình khoảng 3-5 ngày để vỗ béo lại bò và tích đủ số lượng (khoảng 10-15 con bò) thì gọi điện cho các thu gom lớn (thường là thu gom ở Thuận Châu, Bình Thuận - tỉnh Sơn La) mang xe lên mua. Chi phí của các tác nhân này chủ yếu là chi phí xăng xe đi lại, điện thoại, giao dịch và chi phí thuê đất bò.

Người chăn nuôi:

Hộ nông dân ở Tuần Giáo chủ yếu là người dân tộc H'Mông và người dân tộc Thái với truyền thống chăn nuôi có từ lâu đời với 2 phương thức chăn nuôi bò chủ yếu là nuôi nhốt chuồng và chăn thả hoàn toàn. Tại hai điểm nghiên cứu thì xã Quài Nưa và xã Chiềng Sinh (nằm dọc đường quốc lộ 6) chủ yếu là người dân tộc Thái.

Bảng 1. Thông tin chung về hộ chăn nuôi

Chỉ tiêu	ĐVT	Xã Chiềng Sinh (n = 16)	Xã Quài Nưa (n = 29)	Tính chung (n = 45)
Tuổi trung bình chủ hộ	năm	46,25	43,07	44,20
Giới tính chủ hộ là nữ	%	56,25	44,83	48,89
Số năm đi học	năm	2,81	5,86	4,78
Số khẩu	người/hộ	5,06	5,17	5,13
Số lao động	người/hộ	3,06	3,41	3,29
Lao động chăn nuôi bò	người/hộ	1,88	2,03	1,98
Diện tích đất trồng cỏ	m ²	637,50	624,14	628,89

Bảng 2. Tình hình tiêu thụ bò thịt của các hộ qua 3 năm từ 2016 đến 2018
(ĐVT: Con/hộ/năm)

Chỉ tiêu	Xã Chiềng Sinh	Xã Quài Nưa	Tính chung
Số lượng bò hiện tại	6,94	3,93	5,00
Số lượng bò bán năm 2016	1,25	0,21	0,58
Số lượng bò bán năm 2017	0,69	0,21	0,38
Số lượng bò bán năm 2018	1,38	0,24	0,64

Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, đa số chủ hộ là người ra quyết định sản xuất kinh doanh trong hộ. Nhưng có thể dễ dàng nhận thấy độ tuổi trung bình của chủ hộ là gần 44 tuổi và trình độ rất thấp, từ trung bình là cấp 1 còn chủ hộ có trình độ từ trung cấp trở lên là rất ít (qua nghiên cứu chỉ có 1 người có trình độ đại học và 2 người học hết lớp 12). Do trình độ của chủ hộ thấp nên ảnh hưởng nhiều đến quyết định sản xuất kinh doanh của hộ và việc tiếp cận thị trường, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về chăm sóc, cách cho ăn, trồng cỏ lấy thức ăn cho trâu bò, cách chống rét và phòng chữa bệnh cho bò của người dân.

Do trình độ của người dân còn hạn chế, đời sống kinh tế còn khó khăn nên diện tích đất của hộ chủ yếu được sử dụng để trồng các lương thực phục vụ nhu cầu và đời sống hàng ngày của gia đình.

Xã Quài Nưa và Chiềng Sinh đều có bãi chăn thả tập trung. Diện tích trồng cỏ của các hộ chủ yếu được hỗ trợ từ dự án của tỉnh và tổ chức quốc tế. Như vậy, tại các xã đã bắt đầu xuất hiện hình thức nuôi nhốt tập trung và vỗ béo để phát triển chăn nuôi bò thịt theo hướng hàng hóa.

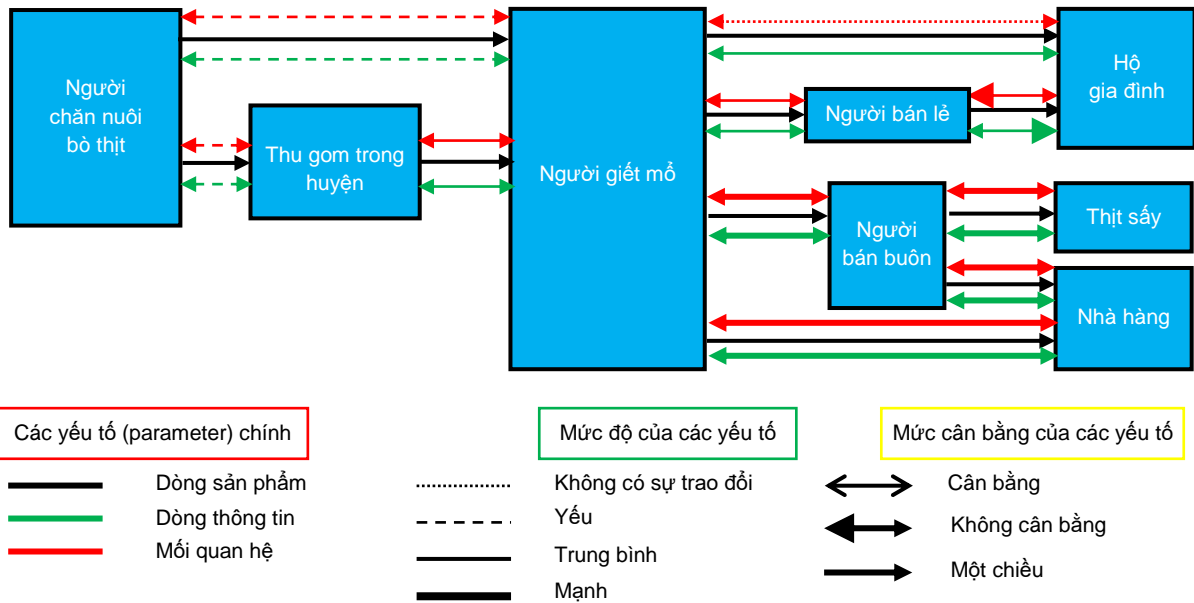
Số bò hiện tại của mỗi hộ trung bình là 5,0 con bò/hộ, và chủ yếu các hộ chăn nuôi bò với mục đích sinh sản là chính; nguồn gốc đa số là do bò nhà đẻ ra. Đa số các hộ nông dân đều mua hoặc được cho 1 con bò cái và họ nuôi con bò đó với mục đích sinh sản và khi bò đẻ thì hộ nông dân để lại nuôi. Số bò bán của các hộ là khá thấp (từ năm 2016 đến nay trung bình mỗi hộ bán 1,5 con bò), có những hộ chưa bao giờ bán bò. Nguyên nhân là do người dân có trình

độ thấp, nên khả năng lựa chọn thời điểm để phối giống bò chưa phù hợp nên khả năng sinh sản của bò thấp. Các hộ coi bò là tài sản nên chỉ bán khi có việc cần như làm nhà, cưới xin cho con cái. Hạn chế trong chăn nuôi của các hộ là thiếu kiến thức chăn nuôi, thú y, giống bò nhỏ và có hiện tượng thoái hóa giống bò do giao phối cận huyết, chăn nuôi nhỏ lẻ và không có kế hoạch bán bò rõ ràng.

3.2. Liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị thịt bò tại huyện Tuần Giáo

Trao đổi thông tin và liên kết trong chuỗi giá trị thịt bò tại Tuần Giáo cho thấy, người chăn nuôi thiếu sự định hướng về thị trường do không có sự trao đổi thông tin với các tác nhân thu gom và giết mổ. Mối quan hệ thị trường giữa người chăn nuôi và thu gom chỉ xuất hiện khi người chăn nuôi cần bán bò. Sau khi bán bò, người chăn nuôi không biết bò sẽ tiếp tục được bán đi đâu và không có sự trao đổi thông tin với các tác nhân khác trong chuỗi.

Ngược lại, người giết mổ và người bán buôn có mối quan hệ rất chặt chẽ. Họ trao đổi với nhau về số lượng và chất lượng thịt bò hàng ngày. Khi người giết mổ tạm nghỉ hoặc không có thịt bò, họ sẽ thông báo cho người bán buôn để có kế hoạch mua của người giết mổ khác. Bên cạnh đó, những người bán buôn có sự liên kết với nhau trong việc mua thịt bò và phân chia việc bán thịt cho các quán ăn. Tương tự, người giết mổ và nhà hàng có mối quan hệ chặt chẽ trong việc trao đổi về số lượng và loại thịt hàng ngày. Đồng thời, các phản hồi của khách về chất lượng thịt bò sẽ được nhà hàng trao đổi lại ngay với các lò mổ để đảm bảo chất lượng cho lần giao hàng tiếp theo.



Hình 3. Trao đổi thông tin và quan hệ giữa các tác nhân

Như vậy, việc trao đổi thông tin và mối quan hệ giữa các tác nhân trong chuỗi còn yếu và thiếu định hướng thị trường, đặc biệt là người chăn nuôi. Điều đó dẫn tới việc không có tác nhân nào dẫn dắt chuỗi trong việc mở rộng thị trường.

3.3. Phân tích các thuận lợi, khó khăn và nút thắt trong chuỗi giá trị thịt bò tại huyện Tuần Giáo

Thuận lợi lớn nhất trong chuỗi giá trị thịt bò tại huyện Tuần Giáo đến từ nhu cầu của người tiêu dùng thịt bò ngày càng tăng, đặc biệt nhu cầu về thịt bò loại A. Đây là cơ sở để nâng cấp chuỗi giá trị theo hướng tăng chất lượng sản phẩm. Cùng với đó, việc xuất hiện các hộ chăn nuôi theo hướng thâm canh nhằm tăng chất lượng sản phẩm là cơ sở cho việc phát triển chuỗi. Bên cạnh đó, tại tỉnh có các chính sách hỗ trợ và khuyến khích sản xuất theo chuỗi như: Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, trong đó có hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò bằng phối giống trực tiếp và thụ tinh nhân tạo, hỗ trợ về thú y.

Tuy nhiên, từ những phân tích ở phần thực trạng đã chỉ ra các hạn chế trong chuỗi giá trị, cụ thể như sau:

Về sản phẩm, giống bò hiện nay các hộ sử dụng là giống bò vàng địa phương, đã xuất hiện tình trạng thoái hóa giống nên trọng lượng và tỷ lệ thịt xẻ thấp. Tư duy về sản xuất hàng hóa của các hộ chăn nuôi còn hạn chế, ảnh hưởng ảnh hưởng tới lượng cung bò thịt có chất lượng và mức độ thường xuyên. Thêm vào đó các lò mổ tại huyện đều chưa đáp ứng được yêu cầu về vệ sinh và an toàn vệ sinh thực phẩm, trong khi người tiêu dùng ngày càng quan tâm nhiều hơn đến vấn đề vệ sinh thực phẩm.

Về liên kết trong chuỗi, các tác nhân trong chuỗi có mối liên kết yếu, đặc biệt là mối liên kết giữa người chăn nuôi với các tác nhân khác. Điều đó dẫn tới việc người sản xuất không nắm được thị hiếu người tiêu dùng để thay đổi sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu đó.

4. KẾT LUẬN

Chuỗi giá trị thịt bò tại huyện Tuần Giáo bao gồm các tác nhân gồm người chăn nuôi, người thu gom, giết mổ, bán buôn, bán lẻ và người tiêu dùng. Người sản xuất theo hướng hàng hóa mới xuất hiện và số lượng chưa nhiều. Các hộ chủ yếu chăn nuôi theo phương thức truyền thống và bán bò khi có việc cần. Người thu gom vẫn chủ yếu đi “mua rong” và dựa vào mạng lưới “cò” tại các bản. Về nhu cầu tiêu thụ

thịt bò của người dân tại huyện ngày càng tăng về số lượng và yêu cầu cao hơn về chất lượng.

Để chuỗi giá trị thịt bò tại huyện Tuần Giáo phát triển hơn đáp ứng tốt hơn, nhu cầu của người tiêu dùng, cần có tác nhân dẫn dắt chuỗi nhằm kết nối giữa người sản xuất và người tiêu dùng. Tại huyện Tuần Giáo, lò mổ là tác nhân có thể dẫn dắt chuỗi do tác nhân này có nhiều chức năng từ thu gom, giết mổ và bán thịt bò, cũng như đây là tác nhân có mối quan hệ chặt chẽ với tác nhân bán buôn và bán lẻ nên nắm được nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng. Giải pháp đối với từng tác nhân trong chuỗi như sau. Về phía người chăn nuôi bò thịt: (i) Khuyến khích các mô hình nuôi bò vỗ béo để người dân thấy được hiệu quả, từ đó có sự thay đổi từ phương thức chăn nuôi truyền thống sang thâm canh; (ii) Chuyển đổi các diện tích vườn tạp, ven ao, suối sang trồng cỏ để đáp ứng đủ thức ăn cho bò; (iii) Cải tạo con giống nhằm tạo ra giống bò to hơn và có lượng thịt xẻ nhiều hơn. Đối với các hộ giết mổ và thu gom: (i) Cần thêm sự hỗ trợ để nâng cấp lò mổ đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; (ii) Tìm hiểu khả năng mở rộng thị trường sang tỉnh Sơn La.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Janssen W., Kassam A. & Janvry A.D. (2003). A

regional approach to setting research priorities and implementation: Towards satisfying national, regional and global concerns. *Journal of Agricultural & Food Information*. 5(2): 67-100.

Kaplinsky R. & Morris M. (2000). *A handbook for Value Chain Research*. International Development Research Centre, Ontario, Canada. 113p.

M4P (2008). *Marking value chains work better for the poor: A toolbook for practitioners of value chain analysis*. UK Department for International Development (DFID).

UBND Tuần Giáo (2017). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội huyện Tuần Giáo năm 2017. Kế hoạch năm 2018*

UBND tỉnh Điện Biên (2018). *Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Điện Biên đến năm 2020*

Raikes P., Jensen M.F. & Ponte S. (2000). *Global commodity chain analysis and the French filière approach: comparison and critique*. *Economy and Society* 29(3): 390-417.

Steven J.J., Paul S. & Colin A. (2010). *Rapid Agricultural Supply Chain risk assessment: A conceptual framework*. *Agriculture and Rural Development Discussion paper 47*.

Viện Công nghệ Sáng tạo (2017). *Diễn biến mức tiêu thụ thịt bò từ năm 2001 đến 2017*, truy cập từ <https://channuoivietnam.com/bieu-san-luong-nguyen-lieu-tacn/bieu-dien-bien-muc-tieu-thu-thit-bonguoinam2000-2013>, ngày 1/11/2019.

Webber C.M. & Labaste P. (2010). *Building Competitiveness in Africa's Agriculture: A Guide to Value Chain Concepts and Applications*. The World Bank, Washington DC, United States of America. 204p.